

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02-NGK/TRIBECO BINH DUONG/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3768771

Fax: 0247 3766149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC YẾN NGÂN NHỈ**

2. Thành phần: Nước, đường, ngân nhĩ khô (2,25 g/l), chất điều chỉnh độ acid (327, 500(ii)), chất ổn định (407, 418), hương liệu yến giống tự nhiên, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955), yến sào (7,0 mg/l).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Đóng lon với thể tích thực ở 20 °C: 175 ml, 240 ml hay theo nhu cầu thị trường.

+ Đóng khay, thùng với thể tích thực ở 20 °C: 7,2 L (30 lon x 240 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.

+ Đóng hộp quà với thể tích thực ở 20 °C: 1,44 L (6 lon x 240 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.



- Chất liệu bao bì: Lon nhôm, nắp nhôm, hộp giấy. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC

Địa chỉ: Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã hóa và địa chỉ nơi sản xuất: xem bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất: TCCS số: 02-NGK/TBCBD/2024.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2024

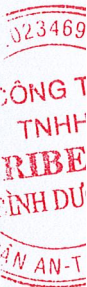
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

梁立坤



DAI ZHI LIN



CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	NƯỚC YẾN NGÂN NHĨ	TCCS số: 02-NGK/TBCBD/2024
------------------------------------	-------------------	-------------------------------

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch lỏng, có chứa ngân nhĩ.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Thơm đặc trưng của sản phẩm không có mùi lạ, ngọt hài hòa.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	15,2 – 22,8	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	3,76 – 5,64	
3	Đường tổng số	g/100 ml	3,52 – 5,28	
4	Natri	mg/100 ml	≤ 20	

3. Chỉ tiêu vi sinh vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	<i>Coliform</i>	CFU/ml	10
3	<i>E. Coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05



CROWN DANANG PRINT ROOM RUTHERFORD 250ML SLIM KEYLINE (ROSARIO) (Line2 - Dan)

26-09-2024	Black	Gold	Blue	Red	Brown	White	Nước Yến - 240ml	TRIBECO
------------	-------	------	------	-----	-------	-------	------------------	---------

Silver

**TRIBECO**

**Uni-President**

**TRIBECO**

**YẾN**
NGÂN NHÍ
Ngân nhí (2,25 g/l), Yến sào (7,0 mg/l)

**BIRD'S NEST**
WHITE FUNGUS
White fungus (2,25 g/l), Bird's nest (7,0 mg/l)

Hướng dẫn sử dụng:
Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.
Dùng ngay sau khi mở nắp.
Đôi khi màu sắc thay đổi, hiện tượng lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thông tin cảnh báo:
Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.

Tư vấn khách hàng:
Chamsodchachang@tribeco.com.vn
Đường dây nóng:
0274 3769 884 - 0221 6283 628

Thể tích thực ở 20 °C:
240 ml

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml

Năng lượng	19 kcal
Carbohydrat	4,7 g
Đường tổng số	4,4 g
Natri	≤ 20 mg

Thành phần: Nước, đường, ngân nhí khô (2,25 g/l), chất điều chỉnh độ acid (327, 500(iii)), chất ổn định (407, 418), hương liệu yến giống tự nhiên, chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955), yến sào (7,0 mg/l).

NSX & HSD: Xem dưới đáy lon.

Số TCE:
02-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2024

Sản phẩm của:
CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Sản xuất tại:
B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC
Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.



8 935001 032328

Sản xuất tại Việt Nam

Đang
Le Dang
27.09.24

Đang
Kittirong
27.09.24

Đang
Kittirong
27.09.24

Đang
N.T. Loan
28.09.2024

Đang
Đo Thị Huệ
27.09.24

Đang
L. AN B. L. KUN
20.04.2024

Đang
Phạm Thị Phương
27.09.2024



Sản phẩm của:
CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 6 Đường số 11, Khu công nghiệp Việt Nam, Singapore, Phường Bình Hòa,
Thị trấn Vĩnh Mỹ, Huyện Vĩnh Mỹ, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.
Số thuế GT.1: 0311000000
Số thuế GT.2: 0311000000
Số thuế GT.3: 0311000000
Số thuế GT.4: 0311000000
Số thuế GT.5: 0311000000
Số thuế GT.6: 0311000000
Số thuế GT.7: 0311000000
Số thuế GT.8: 0311000000
Số thuế GT.9: 0311000000
Số thuế GT.10: 0311000000
Số thuế GT.11: 0311000000
Số thuế GT.12: 0311000000
Số thuế GT.13: 0311000000
Số thuế GT.14: 0311000000
Số thuế GT.15: 0311000000
Số thuế GT.16: 0311000000
Số thuế GT.17: 0311000000
Số thuế GT.18: 0311000000
Số thuế GT.19: 0311000000
Số thuế GT.20: 0311000000
Số thuế GT.21: 0311000000
Số thuế GT.22: 0311000000
Số thuế GT.23: 0311000000
Số thuế GT.24: 0311000000
Số thuế GT.25: 0311000000
Số thuế GT.26: 0311000000
Số thuế GT.27: 0311000000
Số thuế GT.28: 0311000000
Số thuế GT.29: 0311000000
Số thuế GT.30: 0311000000
Số thuế GT.31: 0311000000
Số thuế GT.32: 0311000000
Số thuế GT.33: 0311000000
Số thuế GT.34: 0311000000
Số thuế GT.35: 0311000000
Số thuế GT.36: 0311000000
Số thuế GT.37: 0311000000
Số thuế GT.38: 0311000000
Số thuế GT.39: 0311000000
Số thuế GT.40: 0311000000
Số thuế GT.41: 0311000000
Số thuế GT.42: 0311000000
Số thuế GT.43: 0311000000
Số thuế GT.44: 0311000000
Số thuế GT.45: 0311000000
Số thuế GT.46: 0311000000
Số thuế GT.47: 0311000000
Số thuế GT.48: 0311000000
Số thuế GT.49: 0311000000
Số thuế GT.50: 0311000000
Số thuế GT.51: 0311000000
Số thuế GT.52: 0311000000
Số thuế GT.53: 0311000000
Số thuế GT.54: 0311000000
Số thuế GT.55: 0311000000
Số thuế GT.56: 0311000000
Số thuế GT.57: 0311000000
Số thuế GT.58: 0311000000
Số thuế GT.59: 0311000000
Số thuế GT.60: 0311000000
Số thuế GT.61: 0311000000
Số thuế GT.62: 0311000000
Số thuế GT.63: 0311000000
Số thuế GT.64: 0311000000
Số thuế GT.65: 0311000000
Số thuế GT.66: 0311000000
Số thuế GT.67: 0311000000
Số thuế GT.68: 0311000000
Số thuế GT.69: 0311000000
Số thuế GT.70: 0311000000
Số thuế GT.71: 0311000000
Số thuế GT.72: 0311000000
Số thuế GT.73: 0311000000
Số thuế GT.74: 0311000000
Số thuế GT.75: 0311000000
Số thuế GT.76: 0311000000
Số thuế GT.77: 0311000000
Số thuế GT.78: 0311000000
Số thuế GT.79: 0311000000
Số thuế GT.80: 0311000000
Số thuế GT.81: 0311000000
Số thuế GT.82: 0311000000
Số thuế GT.83: 0311000000
Số thuế GT.84: 0311000000
Số thuế GT.85: 0311000000
Số thuế GT.86: 0311000000
Số thuế GT.87: 0311000000
Số thuế GT.88: 0311000000
Số thuế GT.89: 0311000000
Số thuế GT.90: 0311000000
Số thuế GT.91: 0311000000
Số thuế GT.92: 0311000000
Số thuế GT.93: 0311000000
Số thuế GT.94: 0311000000
Số thuế GT.95: 0311000000
Số thuế GT.96: 0311000000
Số thuế GT.97: 0311000000
Số thuế GT.98: 0311000000
Số thuế GT.99: 0311000000
Số thuế GT.100: 0311000000



NƯỚC YÊN NGÀN NHÍ

Màu sắc	Trắng
Nhiệt độ	15 - 20°C
Chlorophyll	4,7 g
Đường tổng số	4,4 g
Nhiệt	≤ 20mg

Thành phần:
Nước đường, quả nhí chín (2,25 g/l),
chất điều chỉnh độ acid (3,27 g/l),
500000, chất ăn dính (407, 418),
hương liệu, yên giống tự nhiên,
chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955),
yến sào (7,0 mg/l).

Hương liệu sử dụng:

Lắc đều trước khi uống, ngon hơn
khi uống lạnh.
Dùng ngay sau khi mở nắp.
Đặt nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng trực tiếp của mặt
trời.

Hương liệu bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát,
tránh ánh sáng trực tiếp của mặt
trời.

Thông tin cảnh báo, thông dụng:

Sản phẩm quả nhí chín sử dụng:
NXX & HSD Xan đến địa chỉ:
Sân xuất tại Việt Nam.



Thẻ lên thực ở 20 °C: 1,44 L
(6 lon x 240 ml)



Vui
Tất
Cùng
Tất
Vui
Tất
Cùng
Tất

Đỗ Thị Huệ
09/06/24

Đỗ Thị Huệ
09/06/24

Đỗ Thị Huệ
09/06/24

Đỗ Thị Huệ
09/06/24

Đỗ Thị Huệ
09/06/24

Đỗ Thị Huệ
09/06/24

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/09/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y25011736

Mã KQ/ RP. No: 001067688.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 05/09/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 05/09/2024 - 10/09/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : NƯỚC YẾN NGÂN NHÍ
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong lon nhôm kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng/ Calories	19	kcal/100mL	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Hàm lượng chất béo (*)/ Total fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-002:2018
3	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	1.38	mg/100mL	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
4	Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*)	4.65	g/100mL	-	TS-KT-HCB-004:2020
5	Đường tổng số (tính theo glucose) (*)/ Total sugar (as glucose) (*)	4.30	g/100mL	-	TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988)
6	Hàm lượng chất đạm (*)/ Total protein (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-001:2018

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
5. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUỖNH TÁN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/09/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y250I1736

Mã KQ/ RP. No: 001067688.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 05/09/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 05/09/2024 - 10/09/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : NƯỚC YẾN NGÂN NHÍ
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong lon nhôm kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	< 1	CFU/mL	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
3	Coliforms (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
4	Escherichia coli (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5	Pseudomonas aeruginosa (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT VS-30:2019
6	Streptococci faecal (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT-VS-31:2019
7	Staphylococcus aureus (*)	< 1	CFU/mL	-	AOAC 975.55
8	Clostridium perfringens (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
9	Tổng số nấm men nấm mốc (*)/ Yeasts and Moulds (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 10/09/2024

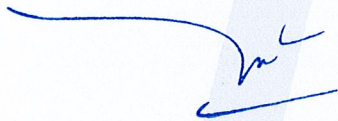
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y25011736

Mã KQ/ RP. No: 001067688.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
Chú thích/ Remarks: Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample. 1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope. 2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor. 3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection. 4. GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification. 5. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.					

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỀN TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04